

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 23/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Ban quản lý dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 649/Tr-STNMT ngày 14/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ban quản lý dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La (địa chỉ: Số 51, đường Hoàng Quốc Việt, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La) khai thác, sử dụng nước mặt với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Công trình cấp nước sinh hoạt xã Pi Toong, huyện Mường La (dự kiến khởi công trong quý III/2021, hoàn thành quý IV/2022).

2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Cấp nước cho mục đích sinh hoạt của 836 hộ dân của các bản mới sát nhập gồm: Bản Pi, Cang Phiêng, Noong Pi, bản Lúa, bản Tạy với 3.980 người (*thời điểm hiện tại*) và các điểm công cộng thuộc xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Huổi Nậm Minh là phụ lưu cấp I của suối Hua Nậm, phụ lưu cấp II của suối Nậm Păm.

4. Vị trí công trình khai thác: Đầu mối công trình đặt tại xã Nậm Păm; các hạng mục công trình khai thác khác nằm trên địa bàn xã Pi Toong, huyện Mường La. Tọa độ theo VN2000, kinh tuyến trực 104^0 , múi chiều 3^0 : $X = 2385780$; $Y = 502580$.

5. Lưu lượng khai thác, sử dụng lớn nhất: $790 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

6. Chế độ khai thác: 24 giờ/ngày đêm, 365 ngày/năm.

7. Phương thức khai thác, sử dụng

- Các hạng mục chính gồm:

+ Đầu mối thu nước: Tận dụng đập thủy lợi cũ, xây mới hồ thu nước;

+ Bể lắng đứng kết hợp lắng lamen: 02 thiết bị kích thước $(2 \times 3,7) \text{ m}$;

+ Bình lọc áp lực: 02 thiết bị kích thước $(2 \times 3,7) \text{ m}$;

+ Bể chứa nước sạch: Dung tích 200 m^3 ;

+ Hệ thống đường ống phân phối nước.

- Quy trình khai thác, xử lý nước: Nước thô từ vị trí thu nước trên Huổi Nậm Minh tự chảy về trạm xử lý gồm các hạng mục: Bể lắng đứng kết hợp lắng lamen, bình lọc áp lực, khử trùng, bể chứa nước sạch; sau đó tự chảy vào hệ thống đường ống cung cấp tới hộ sử dụng.

8. Thời hạn khai thác: 08 năm (*tám năm*) tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Ban quản lý dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Giấy phép này phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Quan trắc, giám sát định kỳ việc khai thác, sử dụng nước theo quy định tại Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

- Lưu lượng khai thác: Lắp đồng hồ đo lưu lượng khai thác.

- Chất lượng nước trong quá trình khai thác:

+ 01 điểm tại vị trí khai thác; tần suất 02 lần/năm, so sánh với giới hạn cho phép tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A_2 ; quan trắc các thông số: pH, COD, BOD₅, DO, TSS, Amoni (*tính theo N*), NO₂ (*tính theo N*), NO₃ (*tính theo N*), PO₄³⁻ (*tính theo P*), Cd, Pb, Cr⁶⁺, tổng Crom, Cu, Zn, Mn, Hg, Fe, tổng dầu mỡ, Coliform, Ecoli.

+ 01 điểm sau hệ thống xử lý nước; tần suất 03 tháng/lần đối với các thông số nhóm A, 06 tháng/lần đối với các thông số nhóm B; so sánh với giới hạn cho phép tại QCVN 01-1:2018/BYT; quan trắc các thông số: pH, TDS, Amoni (tính theo N), độ cứng theo CaCO_3 , NO_3^- (tính theo N), NO_2^- (tính theo N), PO_4^{3-} (tính theo P), clo dư tự do, Cd, Pb, Fe, Cu, Coliform, Ecoli. Sau khi có Quy chuẩn kỹ thuật địa phương thì áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

3. Tuân thủ phương án khai thác, xử lý nước tại hồ sơ cấp phép đảm bảo chất lượng nước đạt quy chuẩn hiện hành cho mục đích sử dụng.

4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La. Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, trữ lượng và môi trường nước xung quanh, Ban quản lý dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La có trách nhiệm báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương để có biện pháp xử lý.

5. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 năm sau của năm báo cáo), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng.

6. Trong trường hợp hạn hán, thiếu nước thì phải ưu tiên nguồn nước để cấp cho mục đích sinh hoạt, sau đó mới đến sản xuất nông nghiệp.

Điều 3. Ban Quản lý dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1, Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2, Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình cấp giấy phép tại Quyết định này; chịu trách nhiệm về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Ban quản lý dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La còn tiếp tục khai thác nước mặt như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước - Bộ TN&MT;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Mường La;
- Ban QLDA di dân tái định cư thủy điện Sơn La;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng: KT, TH – VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu